

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18/6/2024

“*Tranh chấp ly hôn*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Sơn Thị Sô Tha.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Anh Đào

2. Ông Kim Ngọc Trường

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Tiết Thị Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 135/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2024, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 57/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Th, sinh ngày 11/5/1984. Địa chỉ: ấp G, xã, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Nơi ở: ấp G, xã M, huyện Đ, thành phố T, tỉnh L (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Thạch Ch, sinh ngày 01/01/1974. Địa chỉ: ấp G xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2024 và bản tự khai của nguyên bà Lâm Thị Th trình bày: Do mai mối nên bà và ông Ch có tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau; được cha mẹ hai bên đồng ý cho phép tổ chức lễ cưới năm 2001 nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới vợ chồng lên Bình Dương tìm việc làm, vợ chồng sống rất hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi, do ông Ch không lo làm ăn,... bà đã nhiều lần khuyên nhưng ông Ch vẫn không thay đổi, vì muốn giữ hạnh phúc gia đình nên bà cố gắng chịu đựng hy vọng ông Ch sẽ thay đổi để cùng bà lo lắng cho con nhưng không có kết quả, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay không ai tạo cơ hội hàn gắn. Nay nhận thấy vợ chồng ly thân đã lâu, không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn yêu thương và giành tình cảm cho nhau nữa, hạnh phúc không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Ch.

Về con chung: Có 02 người con tên Thạch Trung Th, sinh ngày 10/6/2002 và Thạch Thị Sung Th, sinh ngày 27/01/2005, đã thành niên và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04/5/2024 bị đơn ông Thạch Ch trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của bà Th là sau khi được sự đồng ý của cha mẹ hai bên ông và bà Th tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng ông đi làm thuê ở Bình Dương, vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong quá trình sinh hoạt hàng ngày thường xuyên tranh cãi, nặng nề với nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và công việc làm ăn nên vợ chồng ông đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay không ai tạo điều kiện để hàn gắn nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Th.

Về con chung: Vợ chồng có với nhau 02 người con tên Thạch Trung Th, sinh ngày 10/6/2002 và Thạch Thị Sung Th, sinh ngày 27/01/2005, hiện nay đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Ch khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Do nguyên đơn bà Lâm Thị Th và bị đơn ông Thạch Ch đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Thuỷ và ông Chùm theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Do mai mối và được chấp thuận của hai bên gia đình nên bà Lâm Thị Th và ông Thạch Ch tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng cùng nhau lên tỉnh Bình Dương làm thuê, cuộc sống chung của vợ chồng thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra tranh cãi, nặng nề với nhau do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày nên vợ chồng ông, bà đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay; việc này cả bà Th và ông Ch đều thừa nhận nên bà Th và ông Ch cùng yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ”. Đối chiếu với trường hợp của bà Thuỷ và ông Ch sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2001 cho đến nay mà không có đăng ký kết hôn, nay có yêu cầu ly hôn, Tòa án không công nhận bà Thuỷ và ông Ch là vợ chồng.

[3] Về con chung: Tên Thạch Trung Th, sinh ngày 10/6/2002 và Thạch Thị Sung Th, sinh ngày 27/01/2005 đã thành niên ông, bà không có yêu cầu gì về con chung nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lâm Thị Th và ông Thạch Ch xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lâm Thị Th là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Lâm Thị Th và ông Thạch Ch là vợ chồng.

2. Về con chung: Đã thành niên nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không xem xét

4. Về án phí: Bà Lâm Thị Th phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà Lâm Thị Th đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0003545 ngày 20/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh nên bà Thủy không phải nộp tiếp.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo luật định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi Cục THADS huyện Trà Cú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Sơn Thị Sô Tha

